

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ C
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 31-5-2024

V/v tranh chấp về HN & GD- ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị M

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Phú H

Ông Bùi Văn D

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Ngọc H - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 31 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2024/TLST-HNGĐ ngày 17/4/2024, về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – Ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 173/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Kiều O, sinh năm 1996;

Địa chỉ thường trú: ấp Tân Viên, xã Th, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Hiện ở: Số nhà 1559/68, Tổ 34, Khóm 4, Phường D, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp;

Bị đơn: Anh Đỗ Văn H, sinh năm 1992;

Địa chỉ thường trú: Số nhà 1559/68, Tổ 34, Khóm 4, Phường D, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp;

(Chị O có đơn xin xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện nguyên đơn chị Lê Thị Kiều O trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị O và anh H quen biết, tìm hiểu nhau một thời gian thì chung sống năm 2015, không có tổ chức đám cưới, cũng không được sự chấp thuận của hai bên gia đình. Đến ngày 26/6/2017 đăng ký kết hôn số 51 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng lâu dài vợ chồng không còn tiếng nói chung, phát sinh mâu thuẫn do không đồng quan điểm cho nên tình cảm không còn nên vợ chồng ly thân hơn 02 năm nay, trong thời gian ly thân không hàn gắn được tình cảm. Vì vậy, chị Lê Thị Kiều O yêu cầu Tòa án thành phố Cao Lãnh giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đỗ Văn H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Đỗ Thị Tường A, sinh ngày 15/7/2016 và Đỗ Thị Tường V, sinh ngày 29/12/2017, hiện tại con chung đang sống với chị O. Khi ly hôn chị O yêu cầu nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh Huệ cấp dưỡng nuôi con.

(Tại văn bản ý kiến của cháu Đỗ Thị Tường A có nguyện vọng được sống với mẹ).

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên hòa giải và trong quá trình xét xử, bị đơn anh H được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, cũng không nộp văn bản ý kiến về việc chị O yêu cầu ly hôn với anh H nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ theo đơn khởi kiện của chị O và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con. Bị đơn anh H có địa chỉ tại Phường D, thành phố C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố C được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét quan hệ hôn nhân của chị O và anh H được xác lập năm 2017, hôn nhân của chị O và anh H là tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre vào năm 2017 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Trong quá trình chung sống giữa chị O và anh H phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên anh chị đã ly thân hơn 02 năm nay, trong thời gian ly thân không hàn gắn được tình cảm. Do đó, chị O cương quyết ly hôn nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị O đối với anh H là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Tại phiên tòa chị O xác định giữa chị và anh H có 02 con chung tên Đỗ Thị Tường A, sinh ngày 15/7/2016 và Đỗ Thị Tường V, sinh ngày 29/12/2017, hiện 02 con đang sống với chị O. Chị O có yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Tường A có nguyện vọng được sống với chị O, riêng cháu V chưa đủ 07 tuổi nhưng hiện nay cháu đang sống với chị O nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Đỗ Thị Tường A, sinh ngày 15/7/2016 và Đỗ Thị Tường V, sinh ngày 29/12/2017 cho chị O nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị O không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị O trình bày tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị O trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị O phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 235; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Kiều O. Chị Lê Thị Kiều O được ly hôn với anh Đỗ Văn H.

- *Về con chung:* Giao cháu Đỗ Thị Tường A, sinh ngày 15/7/2016 và Đỗ Thị Tường V, sinh ngày 29/12/2017 cho chị O nuôi dưỡng, anh H không cấp dưỡng nuôi con, do chị O không yêu cầu. Hiện con chung đang sống với chị O.

- *Về tài sản chung:* Chị O trình bày tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về nợ chung:* Chị O trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Chị O phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng chị O đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009644 ngày 15 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án

dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (Do anh Phan Quốc Phong nộp thay).

Đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
 - Đương sự;
 - VKSND TPCL;
 - UBND xã B,
- huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre;
(Giấy K/H số 51 ngày 21/6/2017);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị M